

PHỤ LỤC

Việc tích hợp Hiệp định EVFTA vào Hiệp định này được điều chỉnh thêm như sau:

1. ĐIỀU CHỈNH LỜI NÓI ĐẦU

Đoạn Đầu Tiên của Lời nói đầu Hiệp định EVFTA được thay thế bằng:

“THỪA NHẬN mối quan hệ đối tác lâu dài và bền chặt của các Bên dựa trên các nguyên tắc và giá trị chung, cũng như mối quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư quan trọng của các Bên;”

2. ĐIỀU CHỈNH PHỤ LỤC 2-A (CẮT GIẢM HOẶC XÓA BỎ THUẾ QUAN)

a) Điểm 1(k) của Mục A Phụ lục 2-A Hiệp định EVFTA được thay thế bằng:

“(k)(i) Các Bên thừa nhận rằng Vương quốc Anh có thể ban hành và áp dụng hệ thống giá nhập khẩu vào hoặc sau ngày Hiệp định này có hiệu lực để sao chép, toàn bộ hoặc một phần, hệ thống giá nhập khẩu mà EU áp dụng cho một số loại trái cây và rau quả theo Biểu thuế quan chung theo Quy định thực thi của Ủy ban (EU) số 543/2011 ngày 07 tháng 6 năm 2011 (và các luật thay thế) đặt ra các quy tắc cụ thể cho việc áp dụng Quy định của Hội đồng (EC) số 1234/2007 đối với trái cây và rau quả và các loại trái cây và rau quả chế biến; và

(ii) thành phần thuế giá trị đối với hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ quy định trong các mục trong phân loại A + EP trong Biểu cam kết của EU được xóa bỏ kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực. Việc xóa bỏ thuế quan chỉ áp dụng đối với thuế giá trị; thuế tuyệt đối được quy định theo luật pháp Vương quốc Anh được đưa ra vào hoặc sau ngày Hiệp định này có hiệu lực để sao chép toàn bộ hoặc một phần, cơ chế giá nhập khẩu được áp dụng phù hợp với Quy định thực thi của Ủy ban (EU) số 543/2011 ngày 7 Tháng 6 năm 2011 (và các luật thay thế) đặt ra các quy tắc chi tiết cho việc áp dụng Quy định của Hội đồng (EC) số 1234/2007 đối với các loại trái cây và rau quả và rau quả chế biến sẽ được duy trì;”

b) Tại Tiêu mục 1 của Mục B Phụ lục 2-A của Hiệp định EVFTA:

- i) Tại khoản 2, số “500” được thay thế bằng “68”;
- ii) Tại khoản 3, số “400” được thay thế bằng “54”;
- iii) Tại khoản 4, số “5 000” được thay thế bằng “681”;
- iv) Tại khoản 5, số “20 000” được thay thế bằng “3 356”;
- v) Tại khoản 6, số “30 000” được thay thế bằng “5 001”;
- vi) Tại khoản 7, số “30 000” được thay thế bằng “5 001”;
- vii) Tại khoản 11, số “30 000” được thay thế bằng “12 215”;

- viii) Tại khoản 12, số “11 500” được thay thế bằng “1 566”;
- ix) Tại khoản 13, số “500” được thay thế bằng “68”;
- x) Tại khoản 14, số “20 000” được thay thế bằng “2 724”;
- xi) Tại khoản 15, số “400” được thay thế bằng “54”;
- xii) Tại khoản 16, số “350” được thay thế bằng “48”;
- xiii) Tại khoản 17, số “1 000” được thay thế bằng “136”;
- xiv) Tại khoản 18, số “2 000” được thay thế bằng “272”.

c) Để làm rõ hơn việc áp dụng Điều 6 của Hiệp định này, đối với việc xóa bỏ và cắt giảm thuế quan, vào ngày Hiệp định này có Hiệu lực, các Bên sẽ tiếp tục thực hiện các lộ trình cắt giảm thuế quan còn lại như thể Hiệp định này đã có hiệu lực vào ngày Hiệp định EVFTA có hiệu lực.

3. ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG 6 (CÁC BIỆN PHÁP VỆ SINH DỊCH TỄ VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT)

Điều 6.5.1(b) (Cơ quan chức năng và đầu mối liên hệ) của EVFTA sẽ được thay thế bằng:

“Vương quốc Anh sẽ thông báo cho Việt Nam các cơ quan có thẩm quyền của Vương quốc Anh vào ngày Hiệp định này có hiệu lực.”

4. ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG 8 (TỰ DO HÓA ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ)

a) Chú thích 10 của Khoản 8.2.1(j) của Hiệp định EVFTA không được tích hợp vào Hiệp định này.

b) Chú thích sau đây được bổ sung vào Điều 8.8 (Yêu cầu thực hiện) của Hiệp định EVFTA:

“[Chú thích.] Để rõ ràng hơn, đối với Việt Nam, Điều này không ngăn cản việc thực thi bất kỳ cam kết, bảo đảm, hay yêu cầu nào giữa các bên tư nhân, nếu Việt Nam đã không áp đặt hay yêu cầu việc cam kết, bảo đảm hoặc yêu cầu đó.”

c) Chú thích sau đây được bổ sung vào Khoản 1 của Điều 8.8 (Yêu cầu thực hiện) của Hiệp định EVFTA:

“[Chú thích.] Để rõ ràng hơn, không nội dung nào trong khoản này ngăn cản Vương quốc Anh thực thi một thỏa thuận tự nguyện được đưa ra bởi một Bên liên quan đến việc mua bán hoặc sát nhập. Một “thỏa thuận tự nguyện đưa ra” nghĩa là một thỏa thuận mà không phải do một Bên yêu cầu như một điều kiện để chấp thuận việc mua bán hoặc sát nhập. ”

d) Khoản 4 của Điều 8.8 (Yêu cầu thực hiện) của Hiệp định EVFTA được thay thế bằng:

“4. Điểm 1(f) không được hiểu là ngăn cản việc áp dụng một yêu cầu được đưa ra hoặc một cam kết hoặc bảo đảm được thực thi bởi một tòa án hoặc tòa án hành chính, hoặc bởi một cơ quan cạnh tranh theo luật cạnh tranh của một Bên.”

5. ĐIỀU CHỈNH TIỂU PHỤ LỤC 8-A-1 (CAM KẾT CỤ THỂ VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ XUYÊN BIÊN GIỚI)

a) Khoản 7 và 8 của Tiểu Phụ lục 8-A-1 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA không được tích hợp vào Hiệp định này.

b) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-1 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 1.A(a) (liên quan đến các dịch vụ pháp lý (CPC 861) không bao gồm tư vấn pháp lý và dịch vụ giấy tờ pháp lý và chứng nhận pháp lý được cung cấp bởi các chuyên gia pháp lý được ủy thác với chức năng công, như công chứng viên, “huissiers de justice” (chấp hành viên) hoặc các “officiers publics et ministériels” (công chức) khác), lời văn trong Chú thích 5 từ “Tuy nhiên, ở một số quốc gia thành viên” đến “nơi luật sư đó có quyền hành nghề.” không được tích hợp trong Hiệp định này.

c) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-1 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 1.E(b) (liên quan đến máy bay (CPC 83104)) lời văn “hoặc một nơi nào khác thuộc Liên minh Châu Âu” không được tích hợp vào Hiệp định này.

d) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-1 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 12.D(d) (liên quan đến cho thuê máy bay có phi hành đoàn (CPC 734)) lời văn “hoặc, nếu quốc gia thành viên cấp phép cho phép như vậy, tại một nơi nào khác tại Liên minh Châu Âu” không được tích hợp vào Hiệp định này.

6. ĐIỀU CHỈNH TIỂU PHỤ LỤC 8-A-2 (CAM KẾT CỤ THỂ VỀ TỰ DO HÓA ĐẦU TƯ)

a) Khoản 10 Tiểu Phụ lục 8-A-2 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA không được tích hợp trong Hiệp định này.

b) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-2 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với TẤT CẢ CÁC NGÀNH, dưới tiêu đề “Loại hình thành lập”, ở cột thứ hai, Chú thích 8 không được tích hợp vào Hiệp định này.

c) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-2 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với TẤT CẢ CÁC NGÀNH, dưới tiêu đề “Loại hình thành lập”, ở cột thứ hai, lời văn từ “Tuy nhiên, việc này không ngăn cản một quốc gia thành viên của Liên

minh” tới “trừ trường hợp việc này bị cấm một cách rõ ràng theo pháp luật của Liên minh.” không được tích hợp vào Hiệp định này.

d) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-2 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 6.A(a) (liên quan đến các dịch vụ pháp lý (CPC 861) không bao gồm tư vấn pháp lý và dịch vụ giấy tờ pháp lý và chứng nhận pháp lý được cung cấp bởi các chuyên gia pháp lý được ủy thác với chức năng công, như công chứng viên, “huissiers de justice” (chấp hành viên) hoặc các “officiers publics et ministériels” (công chức) khác), lời văn trong Chú thích 25 từ “Tuy nhiên, tại một số quốc gia thành viên” tới “nơi luật sư đó có quyền hành nghề.” không được tích hợp vào Hiệp định này.

e) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-2 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 6.A(k) (liên quan đến bán lẻ dược phẩm và bán lẻ các mặt hàng y tế và chỉnh hình (CPC 63211) và các dịch vụ khác được cung cấp bởi các dược sĩ) lời văn trong Chú thích 27 “Ở một số quốc gia thành viên, chỉ việc cung cấp các loại thuốc theo toa là dành cho dược sĩ.” không được tích hợp vào Hiệp định này.

f) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-2 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 6.E(b) (Liên quan đến máy bay (CPC 83104)) lời văn “hoặc một nơi nào khác thuộc Liên minh” không được tích hợp vào Hiệp định này.

g) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-2 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 16.A(a) (liên quan đến vận tải hành khách quốc tế (CPC 7211 trừ vận tải biển nội địa)), Chú thích 49 được thay thế bằng:

“Đối với Vương quốc Anh, vận chuyển đường biển nội địa trong dịch vụ vận tải biển trong Phần này bao gồm việc vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa giữa một cảng hoặc một điểm trong Vương quốc Anh và một cảng hoặc một điểm khác trong Vương quốc Anh, bao gồm cả thêm lục địa, như được quy định trong Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển, và giao thông có điểm đầu và kết tại cùng một cảng hoặc một điểm trong Vương quốc Anh.”

h) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-2 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 16.A(b) (liên quan đến vận tải hàng hóa quốc tế (CPC 7212 trừ vận tải biển nội địa)), Chú thích 50 được thay thế bằng:

“Đối với Vương quốc Anh, vận chuyển đường biển nội địa trong dịch vụ vận tải biển trong Phần này bao gồm việc vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa giữa một cảng hoặc một điểm trong Vương quốc Anh và một cảng hoặc một điểm khác trong Vương quốc Anh, bao gồm cả thêm lục địa, như được quy định trong Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển, và giao thông có điểm đầu và kết tại cùng một cảng hoặc một điểm trong Vương quốc Anh.”

i) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-2 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 17.D(d) (liên quan đến cho thuê máy bay có phi hành đoàn (CPC 734)) lời văn “hoặc, nếu quốc gia thành viên cấp phép cho phép như vậy, tại một nơi nào khác tại Liên minh” không được tích hợp vào Hiệp định này.”

7. ĐIỀU CHỈNH TIỂU PHỤ LỤC 8-A-3 (BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ PHÙ HỢP VỚI MỤC D (HIỆN DIỆN TẠM THỜI CỦA CÁC THỂ NHÂN VÌ MỤC ĐÍCH KINH DOANH) CỦA CHƯƠNG 8 (TỰ DO HÓA ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ))

a) Khoản 11 Tiểu Phụ lục 8-A-3 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA không được tích hợp vào Hiệp định này.

b) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-3 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, bảo lưu đối với TẤT CẢ CÁC NGÀNH cho “Công nhận”, và Chú thích 1, không được tích hợp vào Hiệp định này.

c) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-3 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 6.A(a) (liên quan đến các dịch vụ pháp lý (CPC 861) không bao gồm tư vấn pháp lý và dịch vụ giấy tờ pháp lý và chứng nhận pháp lý được cung cấp bởi các chuyên gia pháp lý được ủy thác với chức năng công, như công chứng viên, “huissiers de justice” (chấp hành viên) hoặc các “officiers publics et ministériels” (công chức) khác, lời văn trong Chú thích⁴ từ “Tuy nhiên, tại một số quốc gia thành viên” tới “nơi luật sư đó có quyền hành nghề.” không được tích hợp vào Hiệp định này.

d) Trong bảng của Tiểu Phụ lục 8-A-3 thuộc Phụ lục 8-A của Hiệp định EVFTA, đối với phân ngành 6.A(k) (liên quan đến bán lẻ dược phẩm và bán lẻ các mặt hàng y tế và chỉnh hình (CPC 63211) và các dịch vụ khác được cung cấp bởi các dược sĩ), lời văn trong Chú thích⁶ “Ở một số quốc gia thành viên, chỉ việc cung cấp các loại thuốc theo toa là dành cho dược sĩ.” không được tích hợp vào Hiệp định này.

8. ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG 9 (MUA SẺ CỦA CHÍNH PHỦ)

a) Trong câu đầu tiên của Khoản 4 Điều 9.6 (Thông báo) của Hiệp định EVFTA, cụm từ “và tài chính” không được tích hợp vào Hiệp định này.

b) Chú thích sau được bổ sung vào Khoản 4 Điều 9.6 (Thông báo) tích hợp:

“[Chú thích.] Khoản này có chỉ hiệu lực với Việt Nam khi một hệ thống tự động dịch và đăng tải thông báo tóm tắt bằng tiếng Anh được xây dựng và hoạt động ở Việt Nam, nhờ hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính của EU.”

9. ĐIỀU CHỈNH PHỤ LỤC 9-A (PHẠM VI CỦA MUA SẺ CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI LIÊN MINH CHÂU ÂU)

Khoản 28 Phần B Tiểu phần 2 Phần H Phụ lục 9-A của Hiệp định EVFTA được thay thế bằng:

“28. VƯƠNG QUỐC ANH

28.1 Khi Hiệp định này có hiệu lực, Vương quốc Anh sẽ cung cấp cho Việt Nam thông tin chi tiết về phương thức đăng tải các thông báo.”

10. ĐIỀU CHỈNH PHẦN B (TRỢ CẤP) CỦA CHƯƠNG 10 (CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH)

Câu cuối cùng của Khoản 1 Điều 10.4 (Nguyên tắc) Hiệp định EVFTA được thay thế bằng:

“Về nguyên tắc, một Bên không được dành các trợ cấp cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ nếu các trợ cấp đó gây ra ảnh hưởng tiêu cực đáng kể hoặc có khả năng gây ra ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đến thương mại giữa hai Bên.”

11. ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG 12 (SỞ HỮU TRÍ TUỆ)

a) Ở Khoản 2 Điều 12.26 (Sửa đổi Danh sách chỉ dẫn địa lý) của Hiệp định EVFTA, lời văn “vào ngày ký Hiệp định này” được thay thế bằng “trước ngày ký Hiệp định này hoặc vào ngày ký Hiệp định EVFTA,”.

b) Khoản 1, 2 và 3 Điều 12.28 của Hiệp định EVFTA (Ngoại lệ) không được tích hợp vào Hiệp định này.

12. ĐIỀU CHỈNH PHỤ LỤC 12-A (DANH MỤC CHỈ DẪN ĐỊA LÝ)

a) Các chỉ dẫn địa lý được liệt kê trong Phần A của Phụ lục 12-A của Hiệp định EVFTA liên quan đến Liên minh Châu Âu nhưng không nằm trong Vương quốc Anh không được tích hợp vào Hiệp định này.

b) Mặc dù có khoản (a), chỉ dẫn địa lý cho rượu Uýt-ky Ai-len (Irish Whiskey / Uisce Beatha Eireannach / Irish Whisky) và kem Ai-len được sản xuất tại Cộng hòa Ai-len và Bắc Ai-len, bao gồm đồ uống có cồn được sản xuất tại Cộng hòa Ai-len và Bắc Ai-len, được tích hợp vào Thỏa thuận này. Việc bảo hộ các chỉ dẫn địa lý cho rượu Uýt-ky Ai-len (Irish Whiskey / Uisce Beatha Eireannach / Irish Whisky) và kem Ai-len đối với các sản phẩm được sản xuất tại Bắc Ai-len không phương hại đến việc bảo hộ các chỉ dẫn địa lý này cho các sản phẩm được sản xuất tại Cộng hòa Ai-len.

c) Chú thích sau được thêm vào cột Tên Chỉ định cho “Cá hồi nuôi Xcôt-len” trong Phần A của Phụ lục 12-A của Hiệp định EVFTA:

“[Chú thích.] Để rõ ràng hơn, Việt Nam xác nhận rằng việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý này tại Việt Nam sẽ tiếp tục được bảo hộ theo luật trong nước, phù hợp với các điều khoản của Hiệp định này.”

13. ĐIỀU CHỈNH NGHỊ ĐỊNH THƯ 1 (LIÊN QUAN ĐẾN ĐỊNH NGHĨA VỀ KHÁI NIỆM “HÀNG HÓA CÓ XUẤT XỨ” VÀ PHƯƠNG THỨC HỢP TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH)

Nghị định thư 1 (Liên quan đến Định nghĩa về Khái niệm "Sản phẩm có xuất xứ" và Phương thức Hợp tác Quản lý hành chính), và các Phụ lục của Hiệp định EVFTA được thay thế bằng Nghị định thư 1 của văn kiện này.

14. ĐIỀU CHỈNH NGHỊ ĐỊNH THƯ 2 (VỀ HỖ TRỢ HÀNH CHÍNH LẦN NHAU TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN)

a) Điểm c Điều 13.1 của Nghị định thư 2 của Hiệp định EVFTA không được tích hợp vào Hiệp định này.

b) Điều 13.2 của Nghị định thư 2 của Hiệp định EVFTA được thay thế bằng “Mặc dù có Khoản 1, các quy định của Nghị định thư này sẽ được ưu tiên hơn các quy định của bất kỳ thỏa thuận song phương nào về hỗ trợ lẫn nhau đã được ký kết giữa Vương quốc Anh và Việt Nam trước ngày Hiệp định này được ký kết nếu các quy định đó không tương thích với các quy định của Nghị định thư này.”

15. ĐIỀU CHỈNH CÁC TUYÊN BỐ CHUNG

a) Tuyên bố chung liên quan đến Liên minh Hải quan của Hiệp định EVFTA không được tích hợp vào Hiệp định này.

b) Tuyên bố chung liên quan đến Công quốc An-đô-ra với Hiệp định EVFTA không được đưa vào Hiệp định này.

c) Tuyên bố chung liên quan đến Cộng hòa San Ma-ri-nô với Hiệp định EVFTA không được tích hợp vào Hiệp định này.

16. ĐIỀU CHỈNH BIÊN BẢN GHI NHỚ VỀ VỐN GÓP NGÂN HÀNG

a) Biên bản ghi nhớ về Vốn góp ngân hàng trong Hiệp định EVFTA không được tích hợp vào Hiệp định này.

b) Việt Nam và Vương quốc Anh đồng ý trao đổi thư bên lề liên quan đến vốn góp ngân hàng, được phản ánh trong Phụ lục I như một phần của Hiệp định này.

PHỤ LỤC I

Ngày Tháng 2020

Kính gửi Ngài Đại sứ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland tại Việt Nam,

Cùng với việc ký kết Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (“Vương quốc Anh”) và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (“Việt Nam”) (“Hiệp định”), Tôi xin trân trọng xác nhận rằng Việt Nam và Vương quốc Anh đã đạt được thỏa thuận sau:

1. Đối với việc góp vốn bằng hình thức mua cổ phần vào các ngân hàng thương mại, đến ngày 1 tháng 8 năm 2025, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ xem xét một cách thuận lợi đề xuất của các tổ chức tài chính của Vương quốc Anh cho phép tổng vốn chủ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại một ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam chiếm tối đa 49% vốn điều lệ của doanh nghiệp.
2. Khoản 1 không áp dụng đối với bốn ngân hàng thương mại mà Chính phủ Việt Nam hiện đang nắm giữ phần lớn vốn chủ sở hữu, đó là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).
3. Khoản 1 áp dụng theo thỏa thuận chung tự nguyện giữa ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam có liên quan và các tổ chức tài chính của Vương quốc Anh.
4. Việc các tổ chức tài chính của Vương quốc Anh mua lại phần vốn chủ sở hữu trong ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam nêu tại khoản 1 phải tuân thủ đầy đủ các thủ tục mua bán sáp nhập có liên quan cũng như các yêu cầu khác về bảo đảm an toàn và cạnh tranh bao gồm các hạn chế hoặc giới hạn về tỷ lệ sở hữu cổ phần áp dụng cho mỗi cá nhân hoặc nhà đầu tư tổ chức trên cơ sở đối xử quốc gia, theo luật và quy định của Việt Nam.
5. Để tránh nghi ngờ, thư này sẽ được tích hợp vào và trở thành một phần của Hiệp định và sẽ tuân theo Chương 15 - Giải quyết tranh chấp của Hiệp định EVFTA.
6. Để tránh nghi ngờ, thư này sẽ không tuân theo Thỏa thuận giữa Chính phủ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len và Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư, ký tại Hà Nội vào ngày 01 tháng 8 năm 2002.

Tôi trân trọng đề nghị rằng thư này và thư hồi đáp xác nhận của Ngài sẽ tạo thành một thỏa thuận giữa hai Chính phủ và sẽ có hiệu lực vào ngày Hiệp định giữa Việt Nam và Vương quốc Anh có hiệu lực.

Trân trọng,

Trần Ngọc An

Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên
hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland

2020

Kính gửi Ngài Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland,

Tôi xin xác nhận đã nhận được thư của Ngài vào 2020, với nội dung như sau:

“Cùng với việc ký kết Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (“Vương quốc Anh”) và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (“Việt Nam”) (“Hiệp định”), Tôi xin trân trọng xác nhận rằng Việt Nam và Vương quốc Anh đã đạt được thỏa thuận sau:

- 1. Đối với việc góp vốn bằng hình thức mua cổ phần tại các ngân hàng thương mại, đến ngày 1 tháng 8 năm 2025, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ xem xét một cách thuận lợi đề xuất của các tổ chức tài chính của Vương quốc Anh cho phép tổng vốn chủ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại một ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam chiếm tối đa 49% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.*
- 2. Khoản 1 không áp dụng đối với bốn ngân hàng thương mại mà Chính phủ Việt Nam hiện đang nắm giữ phần lớn vốn chủ sở hữu, đó là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).*
- 3. Khoản 1 áp dụng theo thỏa thuận chung tự nguyện giữa ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam có liên quan và các tổ chức tài chính của Vương quốc Anh.*
- 4. Việc các tổ chức tài chính của Vương quốc Anh mua lại phần vốn chủ sở hữu trong ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam nêu tại khoản 1 phải tuân thủ đầy đủ các thủ tục mua bán sáp nhập có liên quan cũng như các yêu cầu khác về bảo đảm an toàn và cạnh tranh bao gồm các hạn chế hoặc giới hạn về tỷ lệ sở hữu cổ phần áp dụng cho mỗi nhà đầu tư cá nhân hoặc tổ chức trên cơ sở đối xử quốc gia, theo luật và quy định của Việt Nam.*
- 5. Để tránh nghi ngờ, thư này sẽ được tích hợp vào và trở thành một phần của Hiệp định và sẽ tuân theo Chương 15 - Giải quyết tranh chấp của Hiệp định EVFTA.*
- 6. Để tránh nghi ngờ, thư này sẽ không tuân theo Thỏa thuận giữa Chính phủ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len và Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư, ký tại Hà Nội vào ngày 01 tháng 8 năm 2002.*

Tôi trân trọng đề nghị rằng bức thư này và thư xác nhận của Ngài sẽ tạo thành một thỏa thuận giữa hai Chính phủ và sẽ có hiệu lực vào ngày Hiệp định giữa Việt Nam và Vương quốc Anh có hiệu lực.”

Tôi trân trọng xác nhận rằng Chính phủ của tôi chia sẻ điều này và thư của Việt Nam và thư xác nhận này sẽ tạo thành một thỏa thuận giữa hai Chính phủ, có hiệu lực vào ngày Hiệp định giữa Vương quốc Anh và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực.

Trân trọng,

Gareth Ward

Đại sứ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland tại Việt Nam

NGHỊ ĐỊNH THƯ 1

QUY ĐỊNH HÀNG HÓA CÓ XUẤT XỨ VÀ PHƯƠNG THỨC HỢP TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XUẤT XỨ HÀNG HÓA

PHẦN A

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1

Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định thư này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

- (a) “Chương”, “Nhóm” và “Phân nhóm” là các Chương (2 số), Nhóm (4 số) và Phân nhóm (6 số) được sử dụng trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (sau đây gọi là “Hệ thống Hài hòa” hay “HS”);
- (b) “Được phân loại” là sự phân loại hàng hóa hoặc nguyên liệu theo Chương, Nhóm hay Phân nhóm cụ thể của Hệ thống Hài hòa;
- (c) “Lô hàng” là các sản phẩm được gửi cùng nhau từ nhà xuất khẩu đến người nhận hàng hoặc được thể hiện trên cùng một chứng từ vận tải thể hiện việc vận chuyển từ nhà xuất khẩu đến người nhận hàng hay trên cùng một hóa đơn trong trường hợp không có chứng từ vận tải.
- (d) “Trị giá hải quan” là trị giá được xác định theo Hiệp định Trị giá hải quan.

- (e) “Nhà xuất khẩu” là cá nhân, tổ chức có trụ sở đặt tại Bên xuất khẩu, xuất khẩu hàng hóa sang Bên khác, có khả năng chứng minh được xuất xứ của hàng hóa. Nhà xuất khẩu có thể là nhà sản xuất hoặc người thực hiện thủ tục xuất khẩu.
- (f) “Giá xuất xưởng” là: Giá hàng hóa được trả cho nhà sản xuất đã tham gia vào quá trình sản xuất hoặc gia công cuối cùng, với điều kiện giá đó bao gồm trị giá của các nguyên liệu được sử dụng và các chi phí khác phát sinh trong quá trình sản xuất, trừ các loại thuế nội địa sẽ hoặc có thể được hoàn lại khi xuất khẩu sản phẩm cuối cùng.
- Trường hợp giá xuất xưởng không phản ánh đầy đủ chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất thực tế tại Vương quốc Anh hoặc Việt Nam, giá xuất xưởng là tổng chi phí trừ đi các loại thuế nội địa sẽ hoặc có thể được hoàn lại khi xuất khẩu sản phẩm cuối cùng.
- Trường hợp công đoạn gia công hoặc sản xuất cuối cùng được thương nhân ký hợp đồng phụ thuê một nhà sản xuất khác gia công, sản xuất, thuật ngữ “nhà sản xuất” tại khoản này được hiểu là thương nhân đi thuê gia công, sản xuất.
- (g) “Nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế lẫn nhau” là nguyên liệu cùng loại, có chất lượng thương mại như nhau, có cùng đặc tính vật lý và kỹ thuật và khi được kết hợp lại để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh thì không thể phân biệt nguyên liệu này với nguyên liệu khác;
- (h) “Hàng hóa” bao gồm nguyên liệu và sản phẩm;
- (i) “Sản xuất” là bất kỳ hoạt động nào để tạo ra sản phẩm, bao gồm gia công, sản xuất, chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp;
- (j) “Nguyên liệu” bao gồm bất kỳ thành phần, nguyên liệu thô, linh kiện, phụ tùng hoặc các loại khác được sử dụng trong quá trình sản xuất sản

phẩm;

- (k) “Hàng hóa không có xuất xứ” hoặc “nguyên liệu không có xuất xứ” là hàng hóa hoặc nguyên liệu không đáp ứng quy tắc xuất xứ quy định tại Nghị định thư này;
- (l) “Hàng hóa có xuất xứ” hoặc “nguyên liệu có xuất xứ” là hàng hóa hoặc nguyên liệu đáp ứng quy tắc xuất xứ quy định tại Nghị định thư này;
- (m) “Sản phẩm” là thành phẩm được sản xuất, bao gồm cả thành phẩm được sản xuất với mục đích sử dụng cho quá trình sản xuất khác sau này;
- (n) “Lãnh thổ” bao gồm lãnh hải;
- (o) “Trị giá nguyên liệu” là trị giá hải quan tại thời điểm nhập khẩu nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng hoặc là giá mua của nguyên liệu tại Việt Nam hoặc tại Vương quốc Anh trong trường hợp không thể xác định được tại thời điểm nhập khẩu; và
- (p) “EU” là Liên minh châu Âu.

PHẦN B

QUY ĐỊNH VỀ KHÁI NIỆM “HÀNG HÓA CÓ XUẤT XỨ”

ĐIỀU 2

Các quy định chung

Trong khuôn khổ thực thi Hiệp định này, hàng hóa được coi là có xuất xứ của một Bên nếu hàng hóa đó:

- (a) là hàng hóa có xuất xứ thuần túy theo quy định tại Điều 4 (Hàng hóa có xuất xứ thuần túy);
- (b) là hàng hóa thu được tại một Bên từ các nguyên liệu không có xuất xứ, với điều kiện những nguyên liệu đó phải trải qua công đoạn gia công, chế biến đầy đủ tại Bên đó theo quy định tại Điều 5 (Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy).

ĐIỀU 3

Cộng gộp

1. Không xét đến quy định tại Điều 2 (Các quy định chung), hàng hóa được coi là có xuất xứ tại Bên xuất khẩu khi được sản xuất từ nguyên liệu có xuất xứ tại Bên kia hoặc EU, với điều kiện công đoạn gia công, chế biến được thực hiện tại Nước xuất khẩu vượt quá công đoạn gia công, chế biến đơn giản quy định tại Điều 6 (Công đoạn gia công, chế biến đơn giản).²
2. Theo quy định tại khoản 1 Điều này, xuất xứ nguyên liệu được xác định theo quy tắc xuất xứ của Hiệp định này.
3. Không xét đến quy định tại Điều 2 (Các quy định chung), công đoạn gia công, chế biến được thực hiện tại EU được coi như được thực hiện tại Vương quốc Anh khi hàng hóa thu được ở EU trải qua các công đoạn gia công, chế biến tiếp theo tại Vương quốc Anh, với điều kiện công đoạn gia công, chế biến được thực hiện tại Vương quốc Anh vượt quá công đoạn gia công, chế biến đơn giản quy định tại Điều 6 (Công đoạn gia công, chế biến đơn giản).
4. Theo quy định tại khoản 1 Điều này, xuất xứ nguyên liệu xuất khẩu từ EU sang một Bên để sử dụng trong quá trình gia công hoặc sản xuất tiếp theo cần được chứng minh bằng chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa như đối với nguyên liệu xuất khẩu trực tiếp sang Bên đó.
5. Nguyên tắc cộng gộp xuất xứ liên quan đến EU theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này chỉ được áp dụng khi các nước có nguyên liệu tham gia cộng gộp xuất xứ và nước cộng gộp xuất xứ cho thành phẩm có thỏa thuận về hợp tác hành chính để đảm bảo việc thực hiện Điều này.

² Các thỏa thuận hợp tác hành chính liên quan đến cộng gộp với EU quy định tại Điều 3 được Ủy ban Hải quan thành lập theo quy định tại Điều 17.2 (Các Ủy ban chuyên trách) của Hiệp định này bắt đầu rà soát từ năm thứ ba để áp dụng từ năm thứ tư tiếp sau năm hiệu lực của Hiệp định này. Ủy ban Hải quan, theo kết quả rà soát, tiến hành các thỏa thuận hợp tác hành chính cần thiết để áp dụng cộng gộp mà không làm giảm bớt lợi ích thương mại giữa hai Bên. Trường hợp Ủy ban Hải quan không đạt được thống nhất về các thỏa thuận này trong thời hạn nêu trên, các Bên đồng ý từ năm thứ tư kể từ năm hiệu lực của Hiệp định này, các Bên có quyền thực thi các quy định trong nước đối với quy trình chứng minh xuất xứ liên quan đến cộng gộp nhằm đáp ứng mục tiêu của Điều này.

6. Nguyên liệu được liệt kê tại Phụ lục III của Nghị định thư này (Nguyên liệu nêu tại khoản 6 Điều 3) có xuất xứ từ một nước ASEAN đã có hiệp định ưu đãi thương mại với Vương quốc Anh phù hợp với quy định tại Điều XXIV của GATT 1994, được coi là nguyên liệu có xuất xứ từ Việt Nam khi tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm được liệt kê tại Phụ lục IV của Nghị định thư này (Sản phẩm nêu tại khoản 6 Điều 3).

7. Theo quy định tại khoản 6 Điều này, xuất xứ của nguyên liệu được xác định phù hợp với quy tắc xuất xứ trong khuôn khổ các hiệp định ưu đãi thương mại của Vương quốc Anh với các nước ASEAN đó.

8. Theo quy định tại khoản 6 Điều này, xuất xứ nguyên liệu xuất khẩu từ một nước ASEAN sang Việt Nam để sử dụng trong quá trình gia công hoặc sản xuất tiếp theo cần được chứng minh bằng chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa như đối với các nguyên liệu xuất khẩu trực tiếp sang Vương quốc Anh.

9. Nguyên tắc cộng gộp xuất xứ liên quan đến các nước ASEAN theo quy định tại các khoản 6, 7 và 8 Điều này chỉ áp dụng khi:

(a) Các nước ASEAN có nguyên liệu tham gia cộng gộp xuất xứ cam kết:

(i) tuân thủ hoặc đảm bảo tuân thủ Nghị định thư này

(ii) hợp tác hành chính cần thiết giữa các nước này với Vương quốc Anh để đảm bảo thực hiện đúng Nghị định thư này

(b) Việc cam kết thực hiện điểm (a) khoản này đã được thông báo cho Vương quốc Anh; và

(c) Mức thuế ưu đãi Vương quốc Anh đang áp dụng cho sản phẩm sản xuất ở Việt Nam được liệt kê tại Phụ lục IV của Nghị định thư này cao hơn hoặc bằng mức thuế Vương quốc Anh đang áp dụng cho các sản phẩm tương tự có xuất xứ từ các nước ASEAN tham gia cộng gộp xuất xứ.

10. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa phát hành để thực hiện khoản 6 Điều này cần ghi rõ: “Application of Article 3(6) of the Protocol 1 to the Viet Nam - UK FTA”.

11. Vải có xuất xứ Hàn Quốc được coi là vải có xuất xứ Việt Nam khi sử dụng làm nguyên liệu để gia công hoặc sản xuất tại Việt Nam cho các sản phẩm liệt kê tại Phụ lục V của Nghị định thư này, với điều kiện vải nguyên liệu đó trải qua công đoạn gia công, chế biến vượt quá công đoạn gia công, chế biến đơn giản quy định tại Điều 6 (Công đoạn gia công, chế biến đơn giản).

12. Theo quy định tại khoản 11 Điều này, xuất xứ của vải nguyên liệu được xác định theo quy tắc xuất xứ trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại tự do giữa Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, và Đại Hàn Dân Quốc, ký tại Luân-đôn ngày 22 tháng 8 năm 2019, ngoại trừ quy tắc quy định tại Phụ lục II (a) của Nghị định thư quy định hàng hóa có xuất xứ và phương thức hợp tác quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa kèm theo Hiệp định đó.

13. Theo quy định tại khoản 11 Điều này, xuất xứ của vải nguyên liệu xuất khẩu từ Đại Hàn Dân Quốc sang Việt Nam để sử dụng trong quá trình sản xuất hoặc gia công tiếp theo được thể hiện trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa như đối với vải nguyên liệu xuất khẩu trực tiếp sang Vương quốc Anh.

14. Nguyên tắc cộng gộp xuất xứ quy định từ khoản 11 đến khoản 13 Điều này được áp dụng khi:

(a) Đại Hàn Dân Quốc và Vương quốc Anh có Hiệp định Thương mại tự do phù hợp với Điều XXIV của GATT 1994;

(b) Đại Hàn Dân Quốc và Việt Nam cùng thực hiện và thông báo tới Vương quốc Anh về việc thực hiện:

(i) để tuân thủ hoặc đảm bảo việc tuân thủ đúng quy tắc cộng gộp xuất xứ quy định tại Điều này; và

(ii) hợp tác hành chính cần thiết giữa Việt Nam, Hàn Quốc và với Vương quốc Anh để đảm bảo việc thực hiện đúng Nghị định thư này

15. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do Việt Nam phát hành để thực hiện khoản 11 Điều này cần ghi rõ: “Application of Article 3(11) of Protocol 1 to the Viet Nam - UK FTA”.

16. Ủy ban Hải quan thành lập theo Điều 17.2 (Các Ủy ban chuyên trách) của Hiệp định này có thể quyết định vải nguyên liệu xuất xứ từ một nước thứ ba có tham gia ký kết các hiệp định ưu đãi thương mại với đồng thời Việt Nam và Vương quốc Anh phù hợp với Điều XXIV của GATT 1994 sẽ được coi là có xuất xứ từ một Bên khi được sử dụng vào quá trình gia công hoặc chế biến tại Bên đó thành sản phẩm liệt kê trong Phụ lục V của Nghị định thư này, với điều kiện vải nguyên liệu đó đã trải qua công đoạn gia công vượt quá các công đoạn quy định tại Điều 6 (Công đoạn gia công, chế biến đơn giản).